|  |  |
| --- | --- |
| **NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC** **VIỆT NAM** |  **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  |
| Số: /2018/TT-NHNN |  *Hà Nội, ngày tháng năm 2018* |

**DỰ THẢO**

**NGÀY 02/07/2018**

**THÔNG TƯ**

**Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2014/TT-NHNN**

**ngày 11 tháng 8 năm 2014 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn về quản lý ngoại hối đối với hoạt động đầu tư trực tiếp**

**nước ngoài vào Việt Nam**

*Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;*

*Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010; Luật số 17/2017/QH14 ngày 20 tháng 11 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12;*

*Căn cứ Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 12 tháng 4 năm 2014;*

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;*

*Căn cứ Pháp lệnh Ngoại hối số 28/2005/PL-UBTVQH11 ngày 13 tháng 12 năm 2005; Pháp lệnh số 06/2013/UBTVQH13 ngày 18 tháng 3 năm 2013 sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Ngoại hối số 28/2005/PL-UBTVQH11 ngày 13 tháng 12 năm 2005;*

*Căn cứ Nghị định số 70/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Ngoại hối và Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Ngoại hối;*

*Căn cứ Nghị định số 16/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (sau đây gọi là Ngân hàng Nhà nước);*

*Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Quản lý ngoại hối;*

*Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2014/TT-NHNN ngày 11 tháng 8 năm 2014 hướng dẫn về quản lý ngoại hối đối với hoạt động đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam.*

**Điều 1.** **Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2014/TT-NHNN ngày 11 tháng 8 năm 2014 hướng dẫn về quản lý ngoại hối đối với hoạt động đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam (gọi tắt là Thông tư 19/2014/TT-NHNN):**

**1.** Điều 1 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này hướng dẫn về quản lý ngoại hối đối với hoạt động đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam bao gồm: Chuyển tiền thực hiện hoạt động chuẩn bị đầu tư; mở và sử dụng tài khoản vốn đầu tư trực tiếp bằng ngoại tệ và bằng đồng Việt Nam; chuyển tiền góp vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài; chuyển vốn, lợi nhuận và nguồn thu hợp pháp ra nước ngoài.”

**2.** Điều 2được sửa đổi, bổ sung như sau:

“**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Thông tư này áp dụng với các đối tượng sau:

1. Doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài;

2. Nhà đầu tư nước ngoài, người cư trú là nhà đầu tư Việt Nam trong doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài;

3. Nhà đầu tư nước ngoài tham gia hợp đồng đầu tư theo hình thức đối tác công tư (hợp đồng PPP);

4. Nhà đầu tư nước ngoài tham gia hợp đồng hợp tác kinh doanh (hợp đồng BCC);

5. Các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Việt Nam.”

**3.** Điều 3được sửa đổi, bổ sung như sau:

“**Điều 3. Giải thích từ ngữ**

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. “Nhà đầu tư nước ngoài” bao gồm: Cá nhân có quốc tịch nước ngoài, tổ chức thành lập theo pháp luật nước ngoài thực hiện hoạt động đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Việt Nam theo quy định tại Thông tư này.

2. “Doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài” bao gồm:

a) Tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài là thành viên hoặc cổ đông, trong đó nhà đầu tư nước ngoài phải thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư;

b) Tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp vào tổ chức kinh tế hoạt động trong ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài;

c) Tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp vào tổ chức kinh tế dẫn đến nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ từ 51% vốn điều lệ trở lên của tổ chức kinh tế;

d) Doanh nghiệp dự án do nhà đầu tư nước ngoài thành lập để thực hiện dự án PPP theo quy định của pháp luật về đầu tư.

3. “Ngân hàng được phép” bao gồm ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối theo quy định của pháp luật.

4. “Tổ chức tín dụng được phép” bao gồm ngân hàng được phép, tổ chức tín dụng phi ngân hàng được kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối theo quy định của pháp luật.

5. “Tài khoản vốn đầu tư trực tiếp” là tài khoản thanh toán bằng ngoại tệ hoặc bằng đồng Việt Nam do doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài, nhà đầu tư nước ngoài tham gia hợp đồng BCC, nhà đầu tư nước ngoài trực tiếp thực hiện dự án PPP mở tại một ngân hàng được phép để thực hiện các giao dịch liên quan đến hoạt động đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Việt Nam theo quy định tại Điều 5, Điều 6, Điều 7 Thông tư này.”

**4.** Điều 4được sửa đổi, bổ sung như sau:

“**Điều 4. Nguyên tắc chung**

1. Nhà đầu tư nước ngoài được chuyển tiền từ nước ngoài vào Việt Nam để thực hiện hoạt động chuẩn bị đầu tư theo quy định tại Điều 8 Thông tư này.

2. Để thực hiện hoạt động đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Việt Nam, các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 5 Thông tư này phải mở tài khoản vốn đầu tư trực tiếp bằng ngoại tệ, bằng đồng Việt Nam tại 01 (một) ngân hàng được phép. Mọi giao dịch thu, chi liên quan đến hoạt động đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Việt Nam phải thực hiện thông qua tài khoản vốn đầu tư trực tiếp, trừ một số giao dịch chuyển nhượng vốn góp, mua cổ phần, phần vốn góp vào tổ chức kinh tế theo quy định tại Điều 11 Thông tư này.

3. Nhà đầu tư nước ngoài được chuyển tiền từ nước ngoài hoặc từ các nguồn thu hợp pháp tại Việt Nam vào tài khoản vốn đầu tư trực tiếp của doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài, nhà đầu tư nước ngoài tham gia hợp đồng BCC, nhà đầu tư nước ngoài trực tiếp thực hiện dự án PPP để góp vốn thực hiện hoạt động đầu tư trực tiếp tại Việt Nam. Việc chuyển tiền phải được thực hiện thông qua hình thức chuyển khoản.

4. Các nội dung liên quan đến các khoản vay nước ngoài ngắn, trung và dài hạn của doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (giao dịch thu tiền rút vốn, chi trả tiền gốc, lãi, phí; tài khoản vay, trả nợ nước ngoài) thực hiện theo quy định của pháp luật quản lý ngoại hối về vay, trả nợ nước ngoài.

5. Nhà đầu tư nước ngoài được sử dụng lợi nhuận được chia và các nguồn thu hợp pháp bằng đồng Việt Nam, bằng ngoại tệ từ hoạt động đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Việt Nam để tăng vốn, mở rộng hoạt động đầu tư, thực hiện dự án đầu tư mới, hoặc thực hiện hoạt động đầu tư khác tại Việt Nam phù hợp với quy định hiện hành của pháp luật về đầu tư và pháp luật khác có liên quan.

6. Nhà đầu tư nước ngoài được chuyển ra nước ngoài vốn, lợi nhuận, thu nhập hợp pháp liên quan đến hoạt động đầu tư trực tiếp tại Việt Nam. Nhà đầu tư nước ngoài được sử dụng các nguồn thu hợp pháp bằng đồng Việt Nam từ hoạt động đầu tư trực tiếp tại Việt Nam để mua ngoại tệ tại tổ chức tín dụng được phép và chuyển ra nước ngoài trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày mua được ngoại tệ.”

**5.** Điều 5được sửa đổi, bổ sung như sau:

“**Điều 5. Nguyên tắc mở và sử dụng tài khoản vốn đầu tư trực tiếp**

1. Đối tượng mở và sử dụng tài khoản vốn đầu tư trực tiếp bao gồm:

a) Doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài quy định tại khoản 2 Điều 3 Thông tư này;

b) Nhà đầu tư nước ngoài tham gia hợp đồng BCC, nhà đầu tư nước ngoài trực tiếp thực hiện dự án PPP trong trường hợp không thành lập doanh nghiệp dự án (sau đây gọi là nhà đầu tư nước ngoài trực tiếp thực hiện dự án PPP).

2. Doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài, nhà đầu tư nước ngoài tham gia hợp đồng BCC, nhà đầu tư nước ngoài trực tiếp thực hiện dự án PPP được mở tài khoản vốn đầu tư trực tiếp bằng loại ngoại tệ thực hiện góp vốn đầu tư. Tương ứng với mỗi loại ngoại tệ thực hiện góp vốn đầu tư, doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài, nhà đầu tư nước ngoài tham gia hợp đồng BCC, nhà đầu tư nước ngoài trực tiếp thực hiện dự án PPP chỉ được mở 01 (một) tài khoản vốn đầu tư trực tiếp bằng loại ngoại tệ đó tại 01 (một) ngân hàng được phép.

Trường hợp nhà đầu tư nước ngoài tham gia nhiều hợp đồng BCC hoặc trực tiếp thực hiện nhiều dự án PPP, nhà đầu tư nước ngoài phải mở tài khoản vốn đầu tư trực tiếp riêng biệt tương ứng với mỗi hợp đồng hoặc dự án tại 01 (một) ngân hàng được phép.

3. Trường hợp thực hiện các khoản vay nước ngoài mà đồng tiền đi vay không tương ứng với đồng tiền mà doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài sử dụng để mở tài khoản vốn đầu tư trực tiếp, doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài được mở thêm tài khoản vốn đầu tư trực tiếp bằng loại đồng tiền đi vay tại ngân hàng được phép nơi đã mở tài khoản vốn đầu tư trực tiếp.

4. Trường hợp thay đổi ngân hàng được phép nơi mở tài khoản vốn đầu tư trực tiếp, các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này thực hiện các bước sau:

a) Mở tài khoản vốn đầu tư trực tiếp tại ngân hàng được phép khác;

b) Chuyển toàn bộ số dư trên tài khoản vốn đầu tư trực tiếp đã mở trước đây sang tài khoản vốn đầu tư trực tiếp mới, sau đó đóng tài khoản vốn đầu tư trực tiếp đã mở trước đây;

c) Tài khoản vốn đầu tư trực tiếp tại ngân hàng được phép khác chỉ được sử dụng để thực hiện các giao dịch thu, chi quy định tại Điều 6, Điều 7 Thông tư này (trừ giao dịch thu tiền chuyển số dư quy định tại điểm b khoản này) sau khi đã đóng tài khoản vốn đầu tư trực tiếp đã mở trước đây.

5. Thủ tục mở, đóng tài khoản vốn đầu tư trực tiếp thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về việc mở và sử dụng tài khoản thanh toán tại tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán.”

**6.** Điều 6được sửa đổi, bổ sung như sau:

“**Điều 6. Các giao dịch thu, chi trên tài khoản vốn đầu tư trực tiếp bằng ngoại tệ**

Tài khoản vốn đầu tư trực tiếp bằng ngoại tệ được sử dụng để thực hiện các giao dịch thu, chi liên quan đến hoạt động đầu tư trực tiếp sau đây:

1. Các giao dịch thu:

a) Thu chuyển khoản tiền góp vốn đầu tư của nhà đầu tư nước ngoài từ nước ngoài chuyển vào;

b) Thu chuyển khoản tiền góp vốn đầu tư của nhà đầu tư nước ngoài, nhà đầu tư Việt Nam từ tài khoản thanh toán bằng ngoại tệ của chính nhà đầu tư đó tại ngân hàng được phép;

c) Thu chuyển khoản tiền rút vốn bằng ngoại tệ từ các khoản vay nước ngoài trung, dài hạn của doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài;

d) Thu chuyển khoản tiền thanh toán giá trị chuyển nhượng vốn đầu tư, dự án đầu tư, góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp vào tổ chức kinh tế theo quy định tại Điều 11 Thông tư này;

đ) Thu ngoại tệ mua từ tổ chức tín dụng được phép để chuyển lợi nhuận ra nước ngoài cho nhà đầu tư nước ngoài;

e) Các khoản thu hợp pháp khác bằng ngoại tệ liên quan đến hoạt động đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Việt Nam.

2. Các giao dịch chi:

a) Chi chuyển khoản sang tài khoản thanh toán bằng ngoại tệ mở tại ngân hàng được phép của doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài, nhà đầu tư nước ngoài tham gia hợp đồng BCC, nhà đầu tư nước ngoài trực tiếp thực hiện dự án PPP để thực hiện hoạt động đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Việt Nam;

b) Chi bán ngoại tệ cho tổ chức tín dụng được phép;

c) Chi chuyển khoản thanh toán giá trị nhận chuyển nhượng vốn đầu tư, dự án đầu tư, góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp vào tổ chức kinh tế theo quy định tại Điều 11 Thông tư này;

d) Chi chuyển lợi nhuận và các nguồn thu hợp pháp bằng ngoại tệ từ hoạt động đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Việt Nam của nhà đầu tư nước ngoài ra khỏi Việt Nam;

đ) Chi chuyển vốn đầu tư trực tiếp bằng ngoại tệ của nhà đầu tư nước ngoài ra khỏi Việt Nam trong trường hợp:

(i) giảm vốn điều lệ*,* giải thể, phá sản, chấm dứt tồn tạicủa doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp;

(ii) giảm vốn đầu tư, kết thúc, thanh lý, chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư, hợp đồng BCC, hợp đồng PPP theo quy định của pháp luật về đầu tư;

e) Chi chuyển ngoại tệ ra nước ngoài để hoàn trả khoản tiền thực hiện hoạt động chuẩn bị đầu tư đã chuyển vào Việt Nam cho nhà đầu tư nước ngoài theo quy định tại Điều 8 Thông tư này;

g) Chi trả tiền gốc, lãi, phí của các khoản vay nước ngoài trung, dài hạn bằng ngoại tệ của doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài;

h) Các khoản chi hợp pháp khác bằng ngoại tệ liên quan đến hoạt động đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Việt Nam.”

**7.** Điều 7được sửa đổi, bổ sung như sau:

“**Điều 7. Các giao dịch thu, chi trên tài khoản vốn đầu tư trực tiếp bằng đồng Việt Nam**

Tài khoản vốn đầu tư trực tiếp bằng đồng Việt Nam được sử dụng để thực hiện các giao dịch thu, chi liên quan đến hoạt động đầu tư trực tiếp sau đây:

1. Các giao dịch thu:

a) Thu chuyển khoản tiền góp vốn đầu tư của nhà đầu tư nước ngoài, nhà đầu tư Việt Nam từ tài khoản thanh toán bằng đồng Việt Nam của chính nhà đầu tư đó tại ngân hàng được phép;

b) Thu chuyển khoản tiền rút vốn từ các khoản vay nước ngoài bằng đồng Việt Nam của doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài được phép vay nước ngoài bằng đồng Việt Nam theo quy định hiện hành của pháp luật về vay, trả nợ nước ngoài;

c) Thu chuyển khoản tiền thanh toán giá trị chuyển nhượng vốn đầu tư, dự án đầu tư, góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp vào tổ chức kinh tế theo quy định tại Điều 11 Thông tư này;

d) Thu lợi nhuận sau thuế được chia bằng đồng Việt Nam để thực hiện tăng vốn, mở rộng hoạt động đầu tư tại Việt Nam của nhà đầu tư nước ngoài, nhà đầu tư Việt Nam trong doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài, của nhà đầu tư nước ngoài tham gia hợp đồng BCC, nhà đầu tư nước ngoài tham gia hợp đồng PPP.

2. Các giao dịch chi:

a) Chi chuyển khoản sang tài khoản thanh toán bằng đồng Việt Nam mở tại ngân hàng được phép của doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài, nhà đầu tư nước ngoài tham gia hợp đồng BCC, nhà đầu tư nước ngoài trực tiếp thực hiện dự án PPP để thực hiện hoạt động đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Việt Nam;

b) Chi mua ngoại tệ để chuyển sang tài khoản vốn đầu tư trực tiếp bằng ngoại tệ của doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài, của nhà đầu tư nước ngoài tham gia hợp đồng BCC, nhà đầu tư nước ngoài trực tiếp thực hiện dự án PPP;

c) Chi chuyển khoản thanh toán giá trị chuyển nhượng vốn đầu tư, dự án đầu tư, góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp vào tổ chức kinh tế theo quy định tại Điều 11 Thông tư này;

d) Chi chuyển lợi nhuận và các nguồn thu hợp pháp bằng đồng Việt Nam cho nhà đầu tư nước ngoài, nhà đầu tư Việt Nam trong doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài, nhà đầu tư nước ngoài tham gia hợp đồng BCC, nhà đầu tư nước ngoài tham gia hợp đồng PPP;

đ) Chi chuyển vốn đầu tư trực tiếp bằng đồng Việt Nam cho nhà đầu tư nước ngoài, nhà đầu tư Việt Nam trong doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài trong trường hợp:

(i) giảm vốn điều lệ*,* giải thể, phá sản, chấm dứt tồn tạicủa doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp;

(ii) giảm vốn đầu tư, kết thúc, thanh lý, chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư, hợp đồng BCC, hợp đồng PPP theo quy định của pháp luật về đầu tư;

e) Chi chuyển khoản sang tài khoản thanh toán bằng đồng Việt Nam của nhà đầu tư nước ngoài mở tại ngân hàng được phép để hoàn trả khoản tiền thực hiện hoạt động chuẩn bị đầu tư đã chuyển vào Việt Nam cho nhà đầu tư nước ngoài theo quy định tại Điều 8 Thông tư này;

g) Chi trả tiền gốc, lãi, phí của các khoản vay nước ngoài bằng đồng Việt Nam của doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài được phép vay nước ngoài bằng đồng Việt Nam theo quy định hiện hành của pháp luật về vay, trả nợ nước ngoài.”

**8.** Điều 8 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“**Điều 8. Chuyển tiền thực hiện hoạt động chuẩn bị đầu tư**

1. Trước khi được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, văn bản thông báo chấp thuận góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp vào tổ chức kinh tế, hoặc ký kết hợp đồng PPP:

a) Nhà đầu tư nước ngoài được phép chuyển tiền vào Việt Nam để thực hiện hoạt động chuẩn bị đầu tư từ nước ngoài hoặc từ tài khoản của nhà đầu tư mở tại ngân hàng được phép tại Việt Nam;

b) Khoản tiền thực hiện hoạt động chuẩn bị đầu tư được chuyển vào tài khoản thanh toán mở tại ngân hàng được phép của bên cung ứng hàng hóa, dịch vụ hoặc của cơ quan có thẩm quyền theo thỏa thuận bằng văn bản của các bên liên quan;

c) Việc sử dụng tiền để thực hiện hoạt động chuẩn bị đầu tư tại Việt Nam thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về hạn chế sử dụng ngoại hối trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Sau khi được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, văn bản thông báo chấp thuận góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp vào tổ chức kinh tế, hoặc ký kết hợp đồng PPP, khoản tiền của nhà đầu tư nước ngoài đã chuyển vào Việt Nam để thực hiện hoạt động chuẩn bị đầu tư tại Việt Nam được phép:

a) Chuyển một phần hoặc toàn bộ thành vốn góp;

b) Chuyển một phần hoặc toàn bộ thành vốn vay nước ngoài của doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài. Trường hợp chuyển thành khoản vay nước ngoài trung, dài hạn, doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện thủ tục đăng ký khoản vay nước ngoài theo quy định của pháp luật về vay, trả nợ nước ngoài;

c) Chuyển trả lại một phần hoặc toàn bộ cho nhà đầu tư nước ngoài trong trường hợp các bên liên quan có thỏa thuận về việc không ghi nhận khoản tiền chuyển trước đầu tư vào vốn góp hoặc vốn vay. Việc chuyển trả chỉ được thực hiện sau khi nhà đầu tư nước ngoài đã góp đủ mức vốn quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc văn bản thông báo chấp thuận góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp vào tổ chức kinh tế hoặc hợp đồng PPP đã ký kết với cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

d) Các giao dịch quy định tại điểm a, b, c khoản này thực hiện trên cơ sở thỏa thuận giữa các bên liên quan, đảm bảo tuân thủ quy định hiện hành của pháp luật về quản lý ngoại hối, pháp luật về đầu tư, pháp luật về kế toán và các quy định có liên quan của pháp luật Việt Nam.

3. Trường hợp không được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, văn bản thông báo chấp thuận góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp vào tổ chức kinh tế hoặc không tiếp tục thực hiện dự án đầu tư trực tiếp tại Việt Nam:

a) Nhà đầu tư nước ngoài được chuyển ra nước ngoài số tiền còn lại bằng ngoại tệ hoặc được mua ngoại tệ để chuyển ra nước ngoài đối với số tiền đã chuyển vào Việt Nam và khoản tiền lãi không kỳ hạn phát sinh (nếu có) sau khi trừ đi các chi phí phát sinh liên quan đến hoạt động chuẩn bị đầu tư tại Việt Nam trên cơ sở xuất trình các chứng từ hợp lệ chứng minh về khoản tiền đã chuyển vào Việt Nam và các khoản chi hợp pháp phát sinh liên quan đến việc chuẩn bị đầu tư tại Việt Nam;

b) Số tiền nhà đầu tư nước ngoài đã chuyển vào Việt Nam được chuyển trả lại ra nước ngoài cho nhà đầu tư nước ngoài trong trường hợp các bên liên quan có thỏa thuận về việc hoàn trả;

c) Việc chuyển tiền ra nước ngoài được thực hiện trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày mua được ngoại tệ.”

**9.** Điều 9 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“**Điều 9. Góp vốn đầu tưđể thực hiện dự án đầu tư tại Việt Nam**

1. Nhà đầu tư nước ngoài, nhà đầu tư Việt Nam được thực hiện góp vốn đầu tư bằng ngoại tệ, đồng Việt Nam để thực hiện dự án đầu tư tại Việt Nam theo mức vốn góp của nhà đầu tư tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, văn bản thông báo chấp thuận góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp vào tổ chức kinh tế, hợp đồng PPP đã ký kết với cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

 2. Người cư trú là nhà đầu tư Việt Nam trong doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài được góp vốn đầu tư bằng nguồn ngoại tệ tự có hợp pháp.

3. Trường hợp thay đổi vốn đầu tư, vốn điều lệ để thực hiện dự án đầu tư mới hoặc để mở rộng dự án đầu tư, nhà đầu tư nước ngoài thực hiện theo trình tự sau:

a) Thực hiện thủ tục đăng ký góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp vào doanh nghiệp và/hoặc điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư;

b) Thực hiện việc chuyển tiền điều chỉnh vốn đầu tư căn cứ theo mức vốn tại văn bản thông báo chấp thuận đăng ký góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp hoặc tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư do cơ quan có thẩm quyền cấp hoặc tại hợp đồng PPP đã ký kết với cơ quan nhà nước có thẩm quyền thông qua tài khoản vốn đầu tư trực tiếp theo quy định của pháp luật về quản lý ngoại hối;

c) Thực hiện thủ tục đăng ký thay đổi vốn điều lệ theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.”

**10.** Điều 10 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“**Điều 10. Chuyển vốn, lợi nhuận và nguồn thu hợp pháp ra nước ngoài**

1. Nhà đầu tư nước ngoài được chuyển ra nước ngoài:

a) Vốn đầu tư trực tiếp bằng ngoại tệ khi giảm vốn điều lệ, giải thể, phá sản, chấm dứt tồn tại của doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp hoặc khi giảm vốn đầu tư, kết thúc, thanh lý, chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư, hợp đồng BCC, hợp đồng PPP theo quy định của pháp luật về đầu tư;

b) Tiền gốc, lãi và chi phí vay nước ngoài, lợi nhuận và các nguồn thu hợp pháp liên quan đến hoạt động đầu tư trực tiếp tại Việt Nam ra nước ngoài.

2. Trường hợp doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài phải đóng tài khoản vốn đầu tư trực tiếp do giải thể, phá sản, chấm dứt tồn tại của doanh nghiệp hoặc do thực hiện chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần dự án đầu tư làm thay đổi pháp nhân đăng ký ban đầu của doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài, nhà đầu tư nước ngoài được sử dụng tài khoản thanh toán bằng ngoại tệ, tài khoản thanh toán bằng đồng Việt Nam của mình mở tại ngân hàng được phép để thực hiện các giao dịch mua ngoại tệ, chuyển vốn đầu tư trực tiếp và nguồn thu hợp pháp ra nước ngoài.”

**11.** Điều 11 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“**Điều 11. Chuyển nhượng vốn góp, mua cổ phần, phần vốn góp vào tổ chức kinh tế**

1. Tài khoản sử dụng để thanh toán giá trị chuyển nhượng vốn góp, mua cổ phần, phần vốn góp vào tổ chức kinh tế:

a) Việc thanh toán giá trị chuyển nhượng vốn góp, mua cổ phần, phần vốn góp vào tổ chức kinh tế quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 3 Thông tư này giữa hai nhà đầu tư là người không cư trú hoặc giữa hai nhà đầu tư là người cư trú không phải thực hiện thông qua tài khoản vốn đầu tư trực tiếp;

b) Việc thanh toán giá trị chuyển nhượng vốn góp, mua cổ phần, phần vốn góp vào tổ chức kinh tế quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 3 Thông tư này giữa người không cư trú và người cư trú hoặc ngược lại phải thực hiện thông qua tài khoản vốn đầu tư trực tiếp;

c) Việc thanh toán giá trị chuyển nhượng vốn góp, mua cổ phần, phần vốn góp vào tổ chức kinh tế không thuộc các trường hợp quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 3 Thông tư này thực hiện thông qua tài khoản vốn đầu tư gián tiếp theo quy định hiện hành của pháp luật về quản lý ngoại hối.

2. Đồng tiền định giá, thanh toán giá trị chuyển nhượng vốn góp, mua cổ phần, phần vốn góp vào tổ chức kinh tế:

a) Việc định giá, thanh toán giá trị chuyển nhượng vốn góp, mua cổ phần, phần vốn góp trong tổ chức kinh tế giữa hai người không cư trú với nhau được thực hiện bằng ngoại tệ;

b) Việc định giá, thanh toán giá trị chuyển nhượng vốn góp, mua cổ phần, phần vốn góp trong tổ chức kinh tế giữa người cư trú và người không cư trú phải thực hiện bằng đồng Việt Nam.”

**12.** Điều 12 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“**Điều 12**. **Trách nhiệm của tổ chức tín dụng được phép**

1. Hướng dẫn doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài, nhà đầu tư nước ngoài thực hiện các giao dịch liên quan đến hoạt động đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam.

2. Thực hiện mở, đóng tài khoản vốn đầu tư trực tiếp theo đề nghị của doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài, nhà đầu tư nước ngoài phù hợp với quy định tại Thông tư này.

3. Xem xét, kiểm tra, lưu giữ các giấy tờ và chứng từ phù hợp với các giao dịch thực tế để đảm bảo việc cung ứng các dịch vụ ngoại hối cho doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài, nhà đầu tư nước ngoài được thực hiện đúng mục đích và phù hợp với quy định của pháp luật.

4. Yêu cầu doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài, nhà đầu tư nước ngoài cung cấp các tài liệu, chứng từ phù hợp liên quan đến hoạt động đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Việt Nam.

5. Bán ngoại tệ cho nhà đầu tư nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài để chuyển ra nước ngoài cho nhà đầu tư nước ngoài trên cơ sở tự cân đối nguồn ngoại tệ của tổ chức tín dụng được phép và phù hợp với quy định của pháp luật.

6. Xác nhận bằng văn bản về thời điểm và số tiền của nhà đầu tư nước ngoài đã chuyển vào Việt Nam thực hiện hoạt động chuẩn bị đầu tư để ghi nhận vốn đầu tư, chuyển thành vốn vay hoặc hoàn trả lại cho nhà đầu tư nước ngoài trên cơ sở yêu cầu của nhà đầu tư nước ngoài hoặc của cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Thông tư này.

7. Tuân thủ chế độ báo cáo theo quy định tại Chương IV Thông tư này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.”

**13.** Điều 13 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“**Điều 13. Trách nhiệm của doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài và nhà đầu tư nước ngoài**

1. Tuân thủ các quy định về đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Việt Nam theo quy định tại Thông tư này và các quy định khác có liên quan của pháp luật Việt Nam.

2. Kê khai trung thực, đầy đủ nội dung giao dịch liên quan đến hoạt động đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Việt Nam; cung cấp các tài liệu, chứng từ liên quan đến hoạt động đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Việt Nam theo yêu cầu và hướng dẫn của tổ chức tín dụng được phép.

3. Mua ngoại tệ tại tổ chức tín dụng được phép để chuyển vốn, lợi nhuận, nguồn thu hợp pháp, hoàn trả khoản tiền thực hiện hoạt động chuẩn bị đầu tư ra nước ngoài cho nhà đầu tư nước ngoài theo quy định tại Thông tư này.

4. Trường hợp có nhu cầu hoàn trả lại một phần hoặc toàn bộ số tiền đã chuyển vào Việt Nam để thực hiện hoạt động chuẩn bị đầu tư, nhà đầu tư nước ngoài có trách nhiệm xuất trình hồ sơ, chứng từ chứng minh về số tiền đã chuyển vào Việt Nam, hoàn thành việc góp đủ vốn và thỏa thuận giữa các bên liên quan về việc hoàn trả để tổ chức tín dụng được phép có cơ sở thực hiện giao dịch hoàn trả cho nhà đầu tư nước ngoài.

5. Tuân thủ chế độ báo cáo theo quy định tại Chương IV Thông tư này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.”

**14.** Điều 15 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“**Điều 15.** **Yêu cầu báo cáo đột xuất**

Các trường hợp đột xuất hoặc khi cần thiết, doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài, nhà đầu tư nước ngoài tham gia hợp đồng BCC, hợp đồng PPP, tổ chức tín dụng được phép thực hiện báo cáo các nội dung liên quan theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước.”

**15.** Bãi bỏ Điều 16, Điều 17.

**16.** Khoản 2 Điều 18 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“2. Thông tư này sửa đổi khoản 1, khoản 2, khoản 6 Điều 5 Thông tư số 05/2014/TT-NHNN ngày 12 tháng 3 năm 2014 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn việc mở và sử dụng tài khoản vốn đầu tư gián tiếp để thực hiện hoạt động đầu tư gián tiếp nước ngoài tại Việt Nam như sau:

1. Góp vốn, mua, bán cổ phần, phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài vào tổ chức kinh tế chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán Việt Nam dẫn đến nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ dưới 51% vốn điều lệ của tổ chức kinh tế .

2. Góp vốn, mua, bán cổ phần, phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài vào tổ chức kinh tế trên thị trường đăng ký giao dịch (UPCOM) và thị trường chứng khoán niêm yết dẫn đến nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ dưới 51% vốn điều lệ của tổ chức kinh tế.”

6. Góp vốn, chuyển nhượng vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài trong các quỹ đầu tư chứng khoán và công ty quản lý quỹ dẫn đến nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ dưới 51% vốn điều lệ của tổ chức kinh tế theo quy định của pháp luật về chứng khoán.”

**17.** Điều 19 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“**Điều 19. Điều khoản chuyển tiếp**

1. Kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, trường hợp nhà đầu tư nước ngoài đã mở và sử dụng tài khoản vốn đầu tư gián tiếp để góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp vào tổ chức kinh tế hoạt động trong ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài hoặc góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp vào tổ chức kinh tế dẫn đến nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ từ 51% vốn điều lệ trở lên của tổ chức kinh tế, doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài phải thực hiện mở tài khoản vốn đầu tư trực tiếp theo quy định tại Điều 5 và tuân thủ các quy định tại Thông tư này.

2. Việc mở tài khoản vốn đầu tư trực tiếp của doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài được thực hiện trong vòng 90 ngày kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực.”

**Điều 2.** **Hiệu lực thi hành**

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ... tháng ... năm ...

**Điều 3. Tổ chức thực hiện**

Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Quản lý ngoại hối, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc (Giám đốc) các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Như Điều 3;- Ban lãnh đạo NHNN;- Văn phòng Chính phủ; - Bộ Tư pháp (để kiểm tra);- Công báo; - Lưu VP, QLNH, PC. |  **THỐNG ĐỐC**  |